

Số: 76 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 07 tháng 6 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Hoàng Hùng ngày 10 tháng 05 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3056/TTr-CCBVMT ngày 07 tháng 06 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Hùng, địa chỉ trụ sở chính tại số 26 đường M, Khu Trung tâm Hành chính, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cụm nhà xưởng cho thuê tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cụm nhà xưởng cho thuê.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 3701624019 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 5 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3701624019.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cho thuê nhà xưởng. Ngành nghề cho thuê là các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, không có công đoạn nhuộm, không thực hiện công đoạn xi mạ, không tái chế, sản xuất các sản phẩm nhựa từ phế liệu có công đoạn làm sạch phế liệu, không chế biến cao su từ mủ tươi, không tái chế cao su, không thuộc da và được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

STT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành
1	Dệt	13
2	Sản xuất trang phục	14
3	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	15
4	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	32
5	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị)	25
6	Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu	28
7	Sản xuất thiết bị điện	27
8	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	29
9	Sản xuất phương tiện vận tải khác	30
10	Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	45
11	Sản xuất kim loại	24
12	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	23
13	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	22
14	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (phối trộn)	20
15	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	21
16	Sản xuất chế biến thực phẩm	10
17	Sản xuất đồ uống	11
18	Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	46
19	Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	70
20	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	72
21	In, sao chép bản ghi các loại	18
22	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	35
23	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	52

24	Sản xuất giường tủ bàn ghế	31
25	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	16
26	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	17
27	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	26
28	Các ngành nghề khác có tính chất tương tự và ít ô nhiễm hơn các ngành nghề kể trên	-

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Hoàng Hùng tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 03 tháng 3 năm 2020 và điều chỉnh tại văn bản số 2359/STNMT-CCBVM ngày 23 tháng 6 năm 2021.

- Quy mô: nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích: 384.561 m² (đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, công trình xử lý chất thải và các nhà xưởng cho thuê).

- Công suất:

+ Nhà xưởng cho thuê với tổng diện tích 207.184 m² (gồm 18 nhà xưởng: Xưởng 1 diện tích 12.180 m²; Xưởng 2 diện tích 10.985 m²; Xưởng 3 diện tích 11.830 m²; Xưởng 4 diện tích 11.830 m²; Xưởng 5 diện tích 12.530 m²; Xưởng 6 diện tích 23.807 m²; Xưởng 7 diện tích 11.795 m²; Xưởng 8 diện tích 11.795 m²; Xưởng 9 diện tích 11.795 m²; Xưởng 10 diện tích 11.795 m²; Xưởng 11 diện tích 11.795 m²; Xưởng 12 diện tích 11.795 m²; Xưởng 13 diện tích 11.795 m²; Xưởng 14 diện tích 10.745 m²; Xưởng 15 diện tích 9.485 m²; Xưởng 16 diện tích 8.295 m²; Xưởng 17 diện tích 7.175 m²; Xưởng 18 diện tích 5.757 m²).

+ Nhà văn phòng cho thuê với tổng diện tích 3.177m² (gồm 11 nhà văn phòng: nhà văn phòng 1 diện tích 252 m²; nhà văn phòng 6 diện tích 465 m²; nhà văn phòng 7 diện tích 290 m²; nhà văn phòng 8 diện tích 290 m²; nhà văn phòng 9 diện tích 290 m²; nhà văn phòng 10 diện tích 290 m²; nhà văn phòng 11 diện tích 290 m²; nhà văn phòng 12 diện tích 290 m²; nhà văn phòng 14 diện tích 240 m²; nhà văn phòng 16 diện tích 240 m²; nhà văn phòng 17 diện tích 240 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hoàng Hùng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Hùng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 07 tháng 6 năm 2023 đến ngày 07 tháng 6 năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cụm nhà xưởng cho thuê tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Hoàng Hùng theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Hùng;
- UBND thị trấn Lai Uyên;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76 /GPMT-STNMT ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh trong cụm nhà xưởng với lưu lượng lớn nhất khoảng 180 m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ các doanh nghiệp thuê xưởng với lưu lượng lớn nhất khoảng 1.420 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. **Nguồn tiếp nhận nước thải:** suối Đồng Cò rồi chảy vào Suối Bến Ván.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Đồng Cò, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1244562; Y = 592077 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi 3⁰).

2.3. **Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 1.600 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm nhà xưởng cho thuê chảy qua mương quan trắc nước thải sau xử lý, sau đó xả ra suối Đồng Cò tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bằng cống dẫn HDPE đường kính D230mm, sau đó chảy ra suối Bến Ván ra sông Thị Tính.

- Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	3 tháng/lần	x
2	Nhiệt độ	°C	40		x
3	Màu	Pt/Co	50		x
4	pH	-	6 - 9		x
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27		

6	COD	mg/l	67,5		x
7	TSS	mg/l	45		x
8	Asen	mg/l	0,045		
9	Thủy ngân	mg/l	0045		
10	Chì	mg/l	0,09		
11	Cadimi	mg/l	0,045		
12	Crom (VI)	mg/l	0,045		
13	Crom (III)	mg/l	0,18		
14	Đồng	mg/l	1,8		
15	Kẽm	mg/l	2,7		
16	Niken	mg/l	0,18		
17	Mangan	mg/l	0,45		
18	Sắt	mg/l	0,9		
19	Tổng xianua	mg/l	0,063		
20	Tổng phenol	mg/l	0,09		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
22	Sunfua	mg/l	0,18		
23	Florua	mg/l	4,5		
24	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		x
25	Tổng Nitơ	mg/l	18		
26	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,6		
27	Clorua	mg/l	450		
28	Clo dư	mg/l	0,9		
29	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		
30	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
31	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
32	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
33	Tổng PCB	mg/l	0,0027	01 năm/lần	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ nhà vệ sinh (nước đen) được thu gom bằng hệ thống ống HDPE D230mm dẫn về 18 bể tự hoại bố trí tại 18 nhà vệ sinh của 18 nhà xưởng và 18 bể tự hoại bố trí tại 87 nhà vệ sinh của 9 nhà văn phòng cho thuê; nước thải từ khu vực rửa tay chân của các xưởng (nước xám) được thu gom bằng đường ống HDPE D114mm dẫn về hố gom có kích thước 0,9m x 0,9m x 1,3m được bố trí dọc theo từng dãy nhà xưởng (với tổng số 88 hố gom), sau đó theo đường ống HDPE D230mm với chiều dài khoảng 2.812,2m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.600 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ các doanh nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất được thu gom về 88 hố gom có kích thước 0,9m x 0,9m x 1,3m được bố trí dọc theo từng dãy nhà xưởng (với tổng số 88 hố gom), sau đó theo đường ống HDPE D230mm với chiều dài khoảng 2.812,2m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 1.600 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Thiết bị lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc → suối Đồng Cò.

- Công suất thiết kế: 1.600 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂SO₄, PAC, Polymer, cát, sỏi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc, sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni, độ màu.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát (đã được xác nhận kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động tại Văn bản số 4596/STNMT-CCBVMT ngày 08 tháng 12 năm 2022 với các thông số: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni, độ màu).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

Bố trí hồ sự cố với thể tích khoảng 3.612 m^3 ($38,7 \times 33,4 \times 3 \text{ m}$) để lưu chứa nước thải của cơ sở nếu có sự cố xảy ra.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Công ty phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng khả năng xử lý, nước thải sẽ được dẫn về bể sự cố dung tích 3.612 m^3 với thời gian lưu nước 2 ngày để lưu chứa trong quá trình khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được bơm quay trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý (*không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường*).

+ Trong trường hợp không thể khắc phục ngay thì Công ty sẽ thông báo cho các doanh nghiệp thứ cấp dừng hoạt động sản xuất để tiến hành sửa chữa hệ thống, khi sự cố được khắc phục hoàn toàn mới thông báo cho vận hành sản xuất lại bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại hố thu gom.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

2.3.1 Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình: 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Loại mẫu: mẫu tổ hợp.

- Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp nước thải đầu vào tại hố thu gom và nước thải đầu ra sau bể khử trùng).

2.3.2 Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại hố thu gom và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra sau bể khử trùng).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết

nổi, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **76** /GPMT-STNMT ngày **07** tháng **6** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Khí thải (mùi) phát sinh tại ống thoát khí của công trình xử lý khí thải (mùi) từ hệ thống xử lý nước thải công suất 1.600 m³/ngày.đêm (thu gom từ các bể: Bể thu gom, bể tách mỡ, bể chứa mỡ, bể thu bùn, bể nén bùn).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải có chiều cao 06 m, đường kính miệng ống thải D = 168mm. Tọa độ: X = 1244390; Y = 591548 (Theo hệ tọa độ hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: liên tục 24 giờ.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_v=1,0; K_p= 1,0, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	50	
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15	

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:****1.1 Mạng lưới thu gom khí thải:**

Khí thải (mùi) phát sinh tại ống thoát khí của công trình xử lý mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải công suất 1.600 m³/ngày.đêm được thu gom bằng quạt hút (công suất 3.000 m³/h) qua đường ống dẫn PVC D168mm về hệ thống xử lý khí thải.

1.2 Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải (mùi) → Quạt hút (công suất 3.000 m³/h) → Giàn

hấp thụ bằng axit acetic loãng nồng độ 5% (90 lít/năm) → Ống phát thải (PVC D168mm, chiều cao 6m).

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit acetic nồng độ 5% với khối lượng khoảng 90 lít/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, bắt đầu kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường (cùng với thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải công suất 1.600 m³/ngày, công suất 3.000m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này): tại ống thoát khí thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi), tọa độ X = 1244390; Y = 591548.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	50	
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15	

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất 01 ngày/lần (đo đạc,

lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải ít nhất 07 mẫu đơn đầu ra trong 07 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động sản xuất hoặc gây ô nhiễm môi trường.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **16** /GPMT-STNMT ngày **01** tháng **6** năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Tọa độ X = 1244 142; Y= 592 011 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

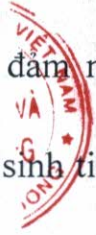
- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



A handwritten signature in blue ink is located at the bottom center of the page. It appears to be a stylized name or set of initials.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76 /GPMT-STNMT ngày 07 tháng 6 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Kí hiệu	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	KS	31.880
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	Rắn	NH	10
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	17 02 03	Lỏng	NH	15
4	Bao bì mềm thải nhiễm CTNH	18 01 01	Rắn	KS	20
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm CTNH	18 01 02	Rắn	KS	20
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm CTNH	18 01 03	Rắn	KS	30
7	Giẻ lau nhiễm CTNH	18 02 01	Rắn	KS	20
8	Chất thải hữu cơ có chứa thành phần nguy hại	19 03 02	Rắn/Lỏng	KS	30
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	20
10	Pin thải	19 06 02	Rắn	NH	5
	TỔNG				32.050

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	500
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	100

3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	100
TỔNG KHỐI LƯỢNG			700

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại Cụm nhà xưởng cho thuê bao gồm: rác hữu cơ (*rau quả, thực phẩm thừa...*), rác thải vô cơ (*bao bì, vỏ đồ hộp,...*) và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt nhân viên làm việc tại cơ sở khoảng 50 người, khối lượng khoảng 37,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng chứa chất thải chuyên dụng (thể tích mỗi thùng 240 lít) và các bao chứa 25 kg (*chứa bùn thải sau máy ép bùn*) có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn nguy hại. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong mỗi thùng riêng biệt có dán tên, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 154,8m². Trong đó bố trí 54,8m² để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Công ty, phần diện tích còn lại 100 m² được dùng để lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thuê xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông cốt thép, bố trí mương thu gom chất thải tràn đổ, mái tôn, xà gồ thép tráng kẽm. Cửa ra vào bố trí tấm kẽm dày 1,5mm, có dán các bảng phân khu vực, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị điều hòa và thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng chứa loại (thể tích mỗi thùng 240 lít) có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 216m². Trong đó bố trí 16m² để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của Công ty, phần diện tích còn lại 200 m² được dùng để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của các

doanh nghiệp thuê xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Được xây dựng bằng tường gạch, có mái che, khung sắt, vữa vữa, nền đổ bê tông, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải. Kho chứa chất thải rắn được đắp nền cao và được quét chống thấm bằng Sika.

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản từng loại với số lượng 10 thùng chứa, thể tích mỗi thùng 600 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 195,3m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Được xây dựng bằng tường gạch, có mái che, khung sắt, vữa vữa, nền đổ bê tông, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải. Kho chứa chất thải rắn được đắp nền cao và được quét chống thấm bằng Sika.

- Kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **76** /GPMT-STNMT ngày **07** tháng **6** năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
2. Bố trí ít nhất một nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.
3. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường; phối hợp kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.
4. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở khi đăng ký đầu tư vào cụm công nghiệp.
5. Phát biện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.
6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản liên quan.
8. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
9. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
10. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
12. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.
13. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
14. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

15. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.



A handwritten signature in blue ink is located at the bottom center of the page, below the main text area.